

Số: 55/2024/QĐST-HNGĐ

An Lão, ngày 29 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Ông Bùi Đình T, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị H, cùng trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 63, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Đình T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Đình T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Đình T có 03 con chung là Bùi Thị T, sinh năm 1987; Bùi Thị T1, sinh năm 1989 đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng không yêu cầu Toà án giải quyết; con Bùi Gia Q, sinh năm 2001 (bị khuyết tật từ nhỏ). Bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Đình T thoả thuận: Giao con Bùi

Gia Q cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bùi Đình T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*), kể từ tháng 8 năm 2024.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Đình T có tài sản chung gồm: 01 nhà xây cấp 4 và 01 nhà nhỏ, công trình phụ đầy đủ xây dựng trên thửa đất số 99, tờ bản đồ số 218 (A-1), địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ số AI 225260, sổ vào sổ H0748/AL do UBND huyện An Lão cấp ngày 31 tháng 5 năm 2007 mang tên ông Bùi Đình T và bà Nguyễn Thị D (diện tích đất ghi tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 612m², diện tích đất đo đạc thực tế là 685,62m²).

Bà Nguyễn Thị D, ông Bùi Đình T, anh Vũ Văn H và chị Dương Thị H thỏa thuận:

- Bà Nguyễn Thị D, ông Bùi Đình T đã chuyển nhượng cho anh Vũ Văn H và chị Dương Thị H diện tích đất 72,25m² tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 218 (A-1), địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng ngày 05 tháng 3 năm 2020, có mốc giới: 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 9.

- Giao cho bà Nguyễn Thị D được sử dụng toàn bộ diện tích đất 225,45m² tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 218 (A-1) tại Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mốc giới: 1, 14, 15, 16, 17, 2, 1.

- Giao cho ông Bùi Đình T được sử dụng toàn bộ diện tích đất 348,0m² tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 218 (A-1) Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mốc giới: 2, 3, 4, 5, 6, 17, 2. Ông Bùi Đình T được sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gồm nhà và công trình trị giá 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng*) và trả tiền chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị D 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*).

- Phần diện tích đất 39,92m² là ngõ đi chung của bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Đình T được giới hạn bởi các mốc: 6, 7, 8, 9, 15, 16, 17, 6.

(có sơ đồ cụ thể kèm theo)

Các đương sự có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

* Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị D đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất nông nghiệp 504m² tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, số tiền mặt 85.000.000đ (*tám mươi lăm triệu đồng*) và 01 chỉ vàng 9999%.

* Bà Nguyễn Thị D được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng để tìm nơi ở mới kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị D nhận nộp toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*). Bà D đã nộp đủ số tiền trên.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963 và ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1960, đều trên 60 tuổi là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THA dân sự huyện An Lão;
- UBND xã Quang Trung;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhạn

Trần Thị Nhạn

